

Phụ lục số 01
MẪU SỬ DỤNG TRONG QUẢN LÝ, PHÁT HÀNH
PHÔI GIẤY CHỨNG NHẬN

(Kèm theo Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất)

STT	Ký hiệu	Tên tài liệu
1	Mẫu số 01/ĐK-GCN	Sổ theo dõi phát hành phôi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất
2	Mẫu số 02/ĐK-GCN	Sổ theo dõi nhận, cấp phát và sử dụng phôi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất
3	Mẫu số 03/ĐK-GCN	Báo cáo tình hình tiếp nhận, quản lý, sử dụng phôi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất
4	Mẫu số 04/ĐK-GCN	Danh sách người Việt Nam định cư ở nước ngoài, cá nhân nước ngoài đã được chứng nhận quyền sở hữu nhà ở tại Việt Nam

Mẫu số: 01/ĐK-GCN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

SỔ THEO DÕI PHÁT HÀNH PHÔI GIẤY CHỨNG NHẬN
QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT, QUYỀN SỞ HỮU NHÀ Ở VÀ TÀI SẢN KHÁC GẮN LIỀN VỚI ĐẤT

.....
(Tên cơ quan phát hành phôi Giấy chứng nhận)

Trang Sổ theo dõi phát hành phiê Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

Phiếu Giấy chứng nhận phát hành			Số hóa đơn phát hành	Ngày tháng năm phát hành	Tên cơ quan nhận	Ghi chú
Số (seri) phát hành		Số lượng giấy phát hành				
Từ	Đến					
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Cộng						

Phụ lục số 01a: Thông số kỹ thuật về giấy nguyên liệu để in phôi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất²⁷

STT	Nội dung	Đơn vị	Chỉ tiêu kỹ thuật sau lão hóa	Ghi chú
1	Thành phần bột giấy		Bột hóa học tẩy trắng	
2	Loại giấy		Giấy in Offset Woodfree	
3	Khổ giấy		790 x 1090 (mm)	
4	Định lượng	g/m ²	(165 - 170) \pm 4%	1. Giấy của nhà sản xuất định lượng từ 165 đến 170g/m ² sai số cho phép trong phạm vi \pm 4% của nhà sản xuất. 2. Giấy nguyên liệu định lượng yêu cầu trong phạm vi thấp nhất (165-4%) là 158,4 g/m ² và cao nhất (170+4%) là 176,8 g/m ² .
5	Độ dày	μ m	(214 - 220) \pm 5	1. Tính theo nhà sản xuất, sai số (\pm 5) 2. Phạm vi độ dày cho phép của từng loại theo định lượng từ 165 - 170g/m ² theo chào hàng của nhà sản xuất là (214-220) \pm 5 tương ứng độ dày thấp nhất là 209 μ m và cao nhất là 225 μ m.
6	Độ bền kéo:			
	- Chiều dọc	kg/15mm	\geq 10,0	
	- Chiều ngang	kg/15mm	\geq 5,0	
7	Độ bền xé:			
	- Chiều dọc	g	\geq 90	
	- Chiều ngang	g	\geq 100	
8	Độ bền gấp:			
	- Chiều dọc	Lần gấp kép	\geq 400	
	- Chiều ngang	Lần gấp kép	\geq 120	
9	Độ chịu bụi	kPa	350	
10	Độ trắng ISO	%	\geq 85%	
11	pH nước chiết		7,0 - 8,0	
12	Độ đục	%	\geq 95%	
13	Độ nhăn Bekk	giây	12,0 - 30,0	
14	Độ hút nước Cobb 60	g/m ²	30-50	
15	Tuổi thọ	Năm	> 70 năm	

²⁷ Bổ sung Phụ lục số 01a theo quy định tại Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 19 tháng 9 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai và sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư hướng dẫn thi hành Luật đất đai, có hiệu lực kể từ ngày 05 tháng 12 năm 2017.

**Phụ lục số 01b: Danh sách những người cho thuê đất, thuê lại đất,
góp vốn bằng quyền sử dụng đất²⁸**

Số TT	Tên người cho thuê, cho thuê lại, góp vốn	Thông tin thửa đất cho thuê, thuê lại, góp vốn			
		Thửa đất số	Tờ bản đồ số	Diện tích (m²)	Số seri của GCN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
I	Cho thuê đất				
1	...				
2	...				
...	...				
II	Cho thuê lại đất				
1	...				
2	...				
...	...				
III	Góp vốn bằng quyền sử dụng đất				
1	...				
2	...				
...	...				

²⁸ Bổ sung Phụ lục số 01b theo quy định tại Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 19 tháng 9 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai và sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư hướng dẫn thi hành Luật đất đai, có hiệu lực kể từ ngày 05 tháng 12 năm 2017.

Mẫu số: 02/ĐK-GCN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

SỔ THEO DÕI NHẬN, CẤP PHÁT VÀ SỬ DỤNG
PHÔI GIẤY CHỨNG NHẬN QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT,
QUYỀN SỞ HỮU NHÀ Ở VÀ TÀI SẢN KHÁC GẮN LIỀN VỚI ĐẤT

.....

(Tên cơ quan lập sổ)

Trang Sổ theo dõi cấp phát và sử dụng phôi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

I. PHẦN THEO DÕI NHẬN PHÔI GIẤY CHỨNG NHẬN

Số thứ tự	Ngày, tháng, năm	Họ và tên người nhận	Phôi GCN đã nhận			Số biên bản giao nhận
			Số lượng phôi GCN nhận	Số (seri) phôi GCN		
				Từ	Đến	
1						
2						
3						
...						

II. PHẦN THEO DÕI CẤP PHÁT, SỬ DỤNG PHÔI GIẤY CHỨNG NHẬN

Số thứ tự	Ngày, tháng, năm	Họ và tên	Số phôi GCN đã nhận	Số phôi GCN đã sử dụng	Số phôi GCN bị hỏng	Số phôi GCN trả	Số seri phôi GCN	Ký tên	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
1	01/10	Nguyễn Văn A	100				Từ BX 000001 đến BX 000100		
...							
5	17/10	Nguyễn Văn B	100				Từ BX 000201 đến BX 000300		
...							
17	30/12	Nguyễn Văn A		93					
					2		BX 000009, BX 000020		
						5	Từ BX 000096 đến BX 000100		
...							
		Cộng trang:							

Hướng dẫn: - Cột (3): Ghi họ tên người được cấp phát để sử dụng, người báo cáo tình hình sử dụng;

- Cột (8): Ghi số seri của phôi GCN khi thực hiện cấp phát cho người sử dụng, tiếp nhận lại phôi GCN hư hỏng hoặc không sử dụng hết (nếu có);

- Khi báo cáo tình hình sử dụng phôi GCN đã nhận thì ghi số lượng phôi GCN đã sử dụng ở cột (5) mà không cần liệt kê số seri ở cột (8); trường hợp có phôi GCN bị hỏng, phôi GCN còn lại chưa sử dụng phải nộp lại thì ghi số lượng và số seri phôi GCN bị hỏng, số lượng và số seri phôi GCN chưa sử dụng được nộp lại vào các cột tương ứng tại các dòng dưới kế tiếp như ví dụ nêu trên.

.....
(Cơ quan báo cáo)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BÁO CÁO

**Tình hình quản lý và sử dụng phôi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất
quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất**

Kỳ báo cáo quý năm
(Tính đến ngày tháng năm)

Kính gửi:

I - Kết quả nhận phôi Giấy chứng nhận

Số thứ tự	Tên đơn vị nhận phôi GCN	Tổng số phôi GCN đã nhận đến trước kỳ báo cáo	Phôi GCN nhận trong kỳ báo cáo			Tổng số phôi GCN đã nhận đến ngày báo cáo
			Số lượng phôi GCN nhận trong kỳ	Số (sêri) phôi GCN		
				Từ	Đến	
1						
2						
3						
...						
	Cộng					

II - Tình hình sử dụng phôi Giấy chứng nhận ở địa phương

Số thứ tự	Tên đơn vị sử dụng phôi GCN	Tổng số phôi GCN đã nhận đến ngày báo cáo	Tình hình sử dụng phôi GCN		
			Số lượng đã sử dụng	Số lượng chưa sử dụng	Số lượng bị hư hỏng
1					
2					
3					
...					
	Cộng				

Nơi nhận:

- Như trên;

- Lưu...

....., ngày tháng năm

Thủ trưởng cơ quan.....

(Ký tên và đóng dấu)

Mẫu số: 04/ĐK-GCN

.....

(Đơn vị báo cáo)

**DANH SÁCH NGƯỜI VIỆT NAM ĐỊNH CƯ Ở NƯỚC NGOÀI,
CÁ NHÂN NƯỚC NGOÀI ĐÃ ĐƯỢC CHỨNG NHẬN QUYỀN SỞ HỮU
NHÀ Ở TẠI VIỆT NAM**

Số thứ tự	Tên người Việt Nam định cư ở nước ngoài, cá nhân nước ngoài	Năm sinh	Quốc tịch	Hộ chiếu			Địa chỉ nhà ở được sở hữu (<i>xã, huyện, tỉnh</i>)	Diện tích sàn (m ²)	Số phát hành của GCN đã cấp
				Số	Ngày cấp	Cơ quan cấp			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)

....., ngày tháng năm

Thủ trưởng đơn vị

(Ký, đóng dấu)